

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 25.9.2021

THOẠT NGHE THÌ NGƯỢC, NGHĨ LẠI THÌ KHÔNG
Kinh Dục (Kāmasuttam)
CHƯƠNG I. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN, PHẨM ĐOẠN (S.i,44)

Trong ngôn ngữ biểu đạt đôi khi nói một điều gì đó mà nói nữa vờ thì dễ tạo nên tranh luận. Như người ta nói người tu thì phải buông xả tất cả; điều tốt thì đừng để thất thoát mà điều xấu thì không nên giữ trong lòng. Mới nghe qua thì rất hợp lý nhưng trong bài kinh này vị thiên hỏi những điều trái ngược: người mong cầu lợi lạc thì có gì không nên cho, không nên bỏ; cái tốt nào nên để thoát ra và cái xấu nào nên giữ lại. Đức Phật dạy người trí mong cầu lợi lạc có thể cho tất cả nhưng không nên cho cả bản thân mình nhưng tự nguyện làm nô lệ cho người khác hay như trong kinh Pháp Cú câu 166: Dầu lợi người bao nhiêu chớ quên lợi lạc tự thân; nhờ hiểu rõ cái gì lợi ích cho mình nên chủ tâm mưu cầu lợi lạc. Hai câu sau có cách hỏi rất thú vị. Phàm cái xấu thì không nên giữ lại mà cái tốt không nên cho ra nhưng khi được hỏi thì Đức Phật trả lời thiện ngôn thì nên thốt ra mà lời nói xấu ác thì nên giữ lại (đừng thốt thành lời).

Tựa bài kinh này trùng với một bản kinh Sankrit của Ấn giáo rất phổ biết là Karmasutra (Dục Kinh) với nội dung không liên hệ gì tới Phật Pháp. Do vậy tựa kinh này nên đổi lại là Kinh Ước Nguyện vì chữ kāma lấy từ atthakāma nghĩa là mong cầu lợi ích.



Kinh Văn

[Vị Thiên]

**“Kimatthakāmo na dade, kim macco na pariccaje;
Kimsu muñceyya kalyāṇam, pāpikaṃ na ca mocaye”ti.**

Nghĩ lợi, không cho ai,
Con người từ bỏ gì?

Thiện gì nên thốt ra?
Ác gì nên ngăn chặn?

[Thế Tôn]

**“Attānaṃ na dade poso, attānaṃ na pariccaje;
Vācaṃ muñceyya kalyāṇaṃ, pāpikaṅca na mocaye”ti.**

Con người không cho mình,
Không nên từ bỏ mình,
Lời thiện, nên thốt ra,
Lời ác, nên ngăn chặn.

Bản hiệu đính:

[Vị Thiên]

*Người mong cầu lợi lạc,
Không cho, không bỏ gì?
Tốt nào nên xả ra?
Xấu nào nên giữ lại?*

[Thế Tôn]

*Người mong cầu lợi lạc,
Không cho mình, bỏ mình,
Lời tốt nên cho ra,
Ác ngôn nên giữ lại.*



Thích văn

atthakāma = mong cầu lợi lạc, mong mọi những lợi ích

atta = tự ngã, bản thân, chính mình

dade = cho

posa = người, người đàn ông (cách viết ngắn gọn của chữ purisa. Posa chỉ dùng trong thi kệ)

pariccaji = từ bỏ, buông bỏ.

vāca = lời nói, ngôn từ

muñceyya < muñcati = thoát ra, xả ra.

kalyāṇa = hiền thiện, tốt lành

pāpikā = ác xấu

mocaye < moceti = thả ra, buông ra, gởi ra



Thích nghĩa

Theo Sớ Giải thì khi nói “cái gì cho thì được nhưng không nên cho chính bản thân mình” có trường hợp ngoại lệ là chư đại bồ tát hành ba la mật để trở thành bậc toàn giác thì các Ngài có thể cho chính mạng sống của mình.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

8. Kāmasuttaṃ [Mūla]

78. “Kimatthakāmo na dade, kiṃ macco na pariccaje;
Kiṃsu muñceyya kalyāṇaṃ, pāpikaṃ na ca mocaye”’ti.
“Attānaṃ na dade poso, attānaṃ na pariccaje;
Vācaṃ muñceyya kalyāṇaṃ, pāpikaṅca na mocaye”’ti.

8. Kāmasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

78. Aṭṭhame **attānaṃ na dadeti** parassa dāsaṃ katvā attānaṃ na dadeyya ṭhapetvā sabbabodhisatteti vuttaṃ. **Na pariccajēti** sīhabyagghādīnaṃ na pariccajeyya sabbabodhisatte ṭhapetvāyevāti vuttaṃ. **Kalyāṇanti** saṇhaṃ mudukaṃ. **Pāpikanti** pharusāṃ vācaṃ. Aṭṭhamam.